**TUẦN 4**

---\*\*\*---

***Thứ tư ngày 27 tháng 9 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 42+43: BÀI 18: kh, m**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng:**

- Nhận biết âm và chữ cái **kh, m;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **kh, m.**

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **kh,** âm **m.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Đố bé.*

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **kh, m, khế, me.**

**2. Năng lực – Phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học và thực tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi chiếu hình minh họa từ khóa và từ trong bài tập mở rộng vốn từ hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật

- Vở bài tập tiếng việt 1

- Bảng con, phấn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 42**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu** (6’)  - GV gọi HS đọc bài Tập đọc *Bé kể* (bài 17).  - GV gọi HS nhắc lại quy tắc chính tả: k (ca) + e, ê, i / c (cờ) + a, o, ô, ơ,...  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài** (5’)  -GV chỉ tên bài: **kh, m,** giới thiệu bài: âm và chữ **kh, m.**  - GV chỉ chữ **kh:** âm **kh** (khờ). GV: **kh** (khờ).  - GV chỉ chữ **m:** âm **m** (khờ). GV: **m** (mờ).  - GV giới thiệu chữ M in hoa.  **2. Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  **2.1.** Âm **kh** và chữ **kh** (5’)  - GV chỉ hình quả khế (hoặc vật thật), hỏi: Đây là quả gì?  - GV: Khế có loại ngọt, có loại chua, thường được dùng để làm mứt hoặc nấu canh.  - GV viết bảng **khế.**  -GV gọi HS phân tích  - GV gọi HS đánh vần, đọc trơn.  **2.2.** Âm **m** và chữ **m** (5’)  - GV chỉ hình quả me (hoặc vật thật), hỏi: Đây là quả gì?  - GV: Me là loại quả thường được dùng để nấu canh hoặc làm mứt.  - GV viết bảng **me.**  -GV gọi HS phân tích  - GV gọi HS đánh vần, đọc trơn.  ? Các em vừa học những chữ mới và tiếng mới nào?  - GV yêu cầu HS gắn lên bảng cài chữ: **kh, m.**  **3. Hoạt đông luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (6’)(BT 2: Tiếng nào có chữ **kh?** Tiếng nào có chữ **m?**)  - GV yêu cầu HS đọc từng chữ dưới hình  - GV yêu cầu từng cặp HS trao đổi, làm bài;  - GV chỉ từng tiếng.  - GV yêu cầu HS tìm và nói tiếng ngoài bài có **kh** (khi, kho, khó, khô,...); có **m** (má, mỏi, môi,...).  **3.2. Tập đọc** (5’) **(BT4)**  a. GV chỉ hình minh hoạ bài đọc *Đố bé,* giới thiệu 3 bức tranh tả cảnh trong gia đinh Bi: Bi vừa đi học về, mẹ ở trong bếp đang nấu ăn, ra 1 câu hỏi đố Bi. Bố đang bế em bé cũng ra 1 câu hỏi đố Bi. Các em hãy nghe bài đọc để biết bố mẹ đố Bi điều gì; Bi trả lời các câu đố thế nào.  b. GV chỉ từng hình đọc mẫu  **4. Củng cố, dặn dò** (3’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **kh, m**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có âm **kh, m.** | - 2HS đọc  - 1HS nhắc lại  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS(cá nhân, cả lớp): **kh**  - HS(cá nhân, cả lớp): **m**  -HS quan sát và lắng nghe  - HS trả lời: Quả khế  - HS nghe  - HS quan sát  - HS phân tích tiếng **khế:** âm **khờ,** âm **ê,** dấu sắc = **khế.**  **- HS** (cá nhân, tổ, cả lớp): **khờ - ê - khê - sắc - khế / khế.**  - HS trả lời: Quả me  - HS nghe  - HS quan sát  - HS phân tích tiếng **me:** âm **mờ,** âm **e,** dấu sắc = **me.**  - HS(cá nhân, tổ, cả lớp): **mờ - e - me / me.**  - HS 2 chữ mới là **kh, m.** Tiếng mới: **khế, me**  - HS gắn lên bảng cài.  - Cả lớp đọc: : *mẹ, mỏ, khe đá,...*  - HS làm bài  - 2 HS báo cáo kết quả: HS 1 nói tiếng có âm **kh** *(khe, kho, khỉ).*HS2 nói tiếng có âm **m** *(mẹ, mỏ, mè).*  *-* Cả lớp: Tiếng **mẹ** có âm **m,** tiếng **khe** có âm **kh,** ...  - HS tìm và nói  - HS nghe và quan sát  - HS nghe |

**Tiết 43**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn đinh tổ chức** (1’)  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.2. Tập đọc** (10’)(Tiếp)  c. Luyện đọc từ ngữ: **đố Bi, mẹ có gì, cá kho khế, có bé Li.**  d. Luyện đọc từng lời dưới tranh  - GV: Bài có 3 tranh và lời dưới 3 tranh (GV chỉ cho HS đếm, đánh số TT từng câu).  - GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu *Bi đó à? Dạ.)*  - GV cho cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng  - GV gọi HS đọc từng lời dưới tranh  e. GV tổ chức cho HS thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn là lời dưới 2 tranh); thi đọc cả bài.  g. Đọc theo lời nhân vật  - GV chỉ lời của mẹ Bi, Bi, bố Bi.  - GV mời HS giỏi đọc theo vai.  - GV khen HS nào đọc to, rõ, đúng lời nhân vật, kịp lượt lời.  - Gọi HS đọc cả bài  h. Tìm hiểu bài đọc  ? Qua bài đọc, em hiểu điều gì?  - GV yêu cầu cả lớp đọc lại 2 trang sách vừa học ở bài 18.  **3.4. Tập viết** (22’) (bảng con - BT 5)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc trên bảng lớp các chữ và tiếng vừa học  b. GV vừa viết mẫu từng chữ vừa hướng dẫn:  - Chữ **kh:** là chữ ghép từ hai chữ **k** và **h** (đều cao 5 li). Viết **k** trước, **h** sau.  - Chữ **m**: cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu.  - Tiếng **khế:** viết **kh** trước, **ê** sau; dấu sắc trên **ê,** không chạm dấu mũ.  - Tiếng **me:** viết **m** trước, **e** sau; chú ý nối nét giữa **m** và **e.**  c. GV yêu cầu HS viết: **kh, m** (2 lần). Sau đó viết: **khế, me.**  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà đọc cho người thân nghe bài Tập đọc *Đố bé*  - Khuyến khích HS tập viết chữ trên bảng con. | - HS quan sát, nghe và đọc  - HS quan sát  - HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - Cả lớp đọc  - HS đọc (cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc  - HS quan sát  - HS đọc theo vai  - HS nghe  - 1HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc đồng thanh  - HS: Gia đình Bi sống rất vui vẻ, hạnh phúc. / Mọi người trong gia đình Bi rất vui tính. Quan hệ giữa bố mẹ và Bi rất thân ái  - HS đọc  - HS đọc: **kh, m, khê, me**  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - Nhận xét |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………